FireAnt

CTCP Công nghiệp Tung Kuang (HNX: TKU)

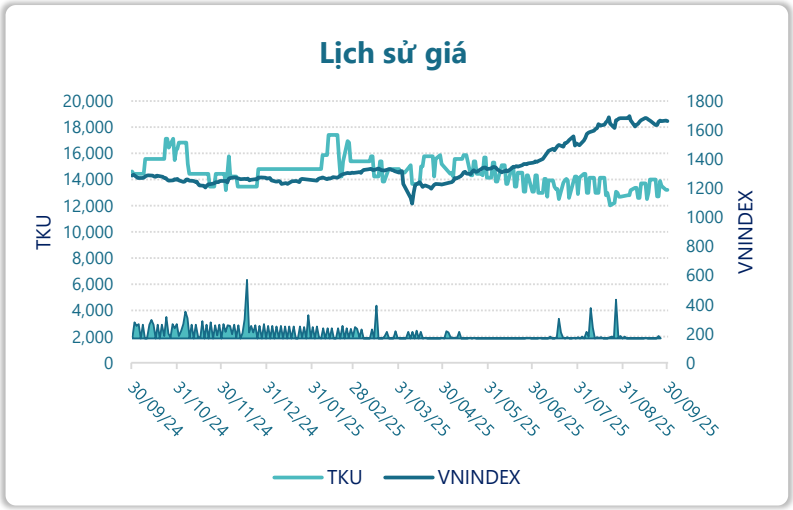

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,409
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,023
SL cổ phiếu LH	46,881,398
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,460
% sở hữu nước ngoài	8.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	619
P/E	15.8
EPS	833

DT thuần

Q3/25

142

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.0| -15.5%

YoY: ▼60.0| -29.7%

LN sau thuế

Q3/25

-3.32

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.0| -134%

YoY: ▼11.5| -141%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.0%

+/- YoY: ▼ 5.3%

DT thuần

9T 2025

527

tỷ VNĐ

YoY: ▼92.0| -14.8%

LN sau thuế

9T 2025

23.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.7| -41.2%

ROE

Q3/25

7.2%

+/- YoY: ▲ 1.3%

Kết quả kinh doanh

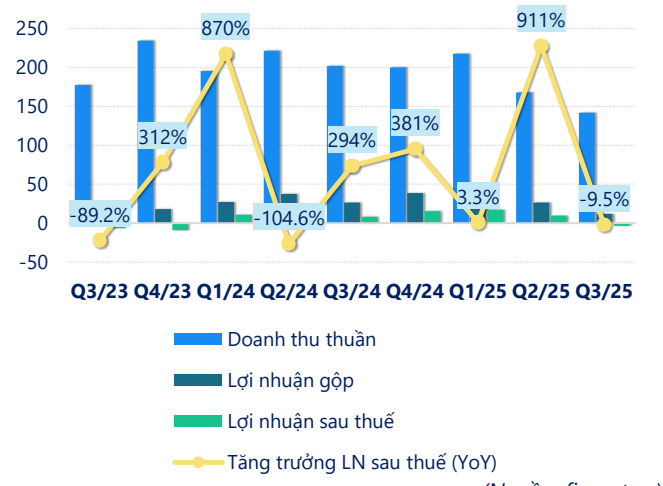

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

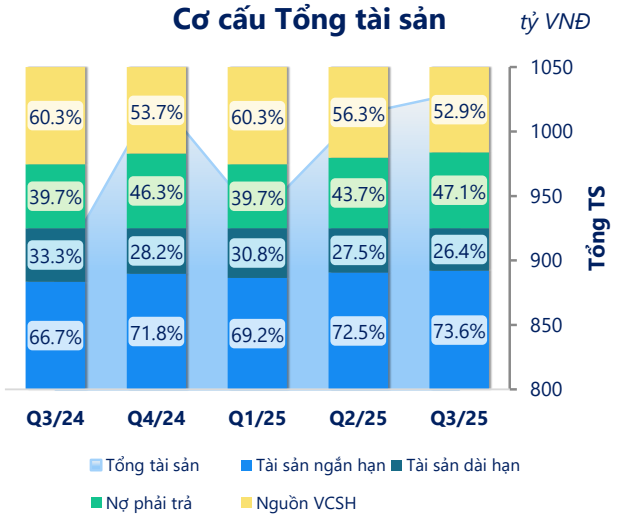

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

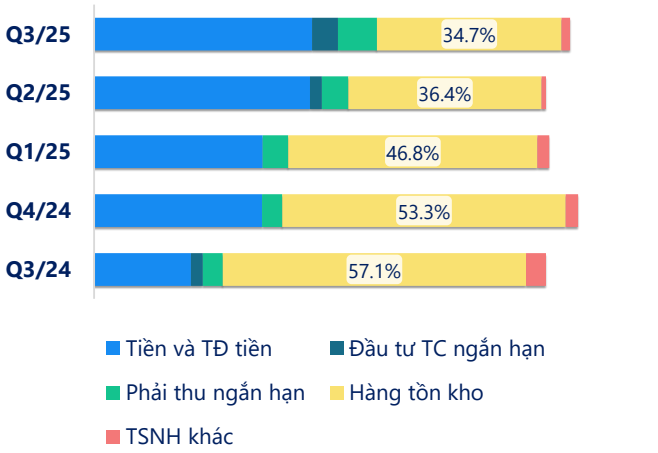

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

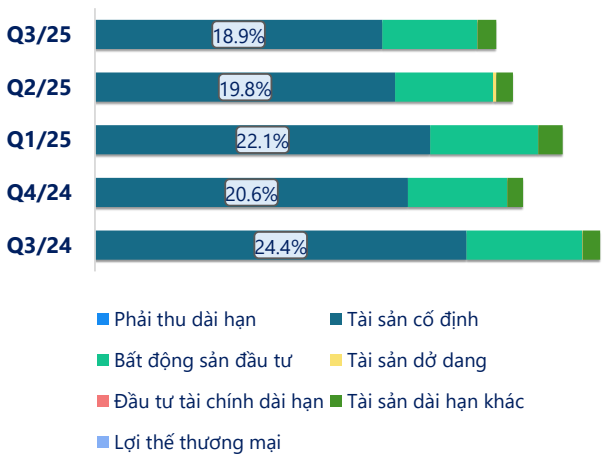

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

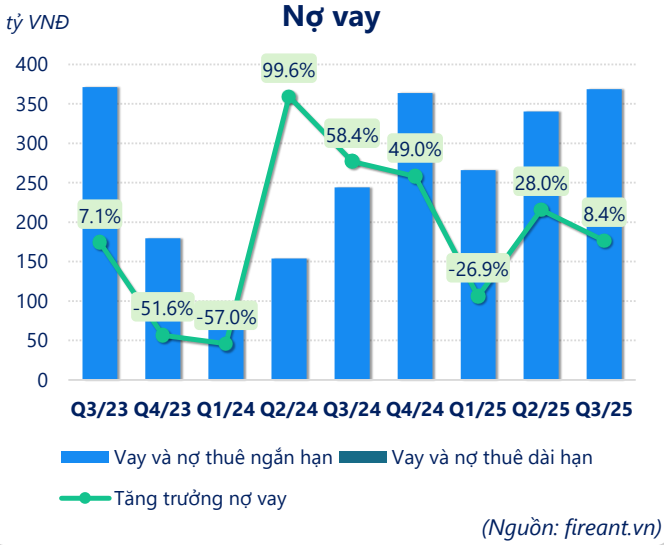

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

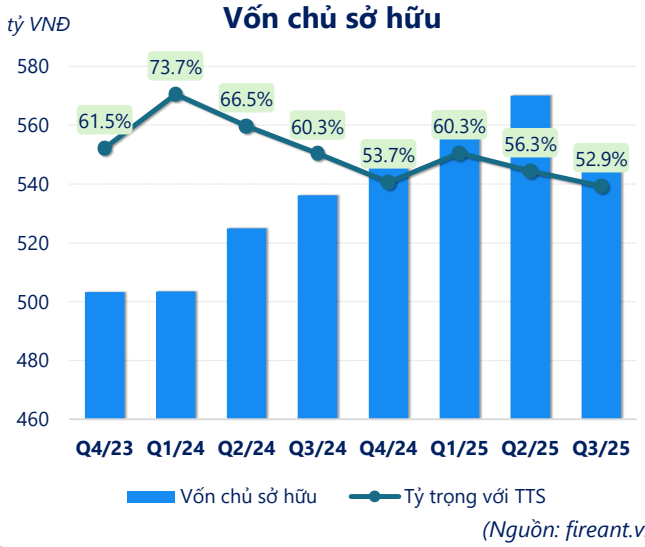

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

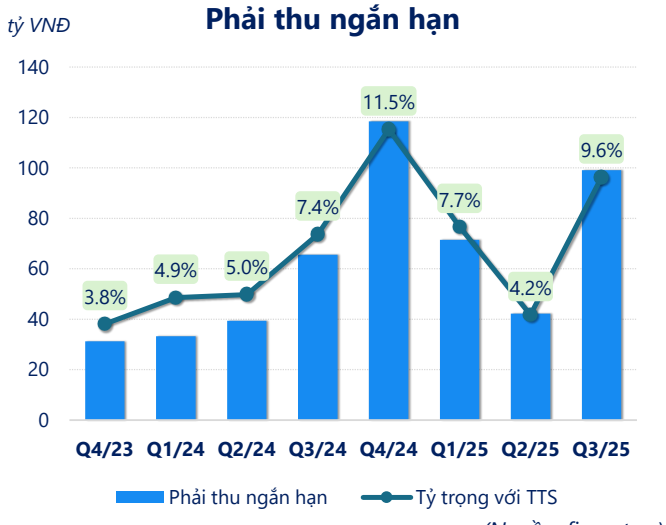

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

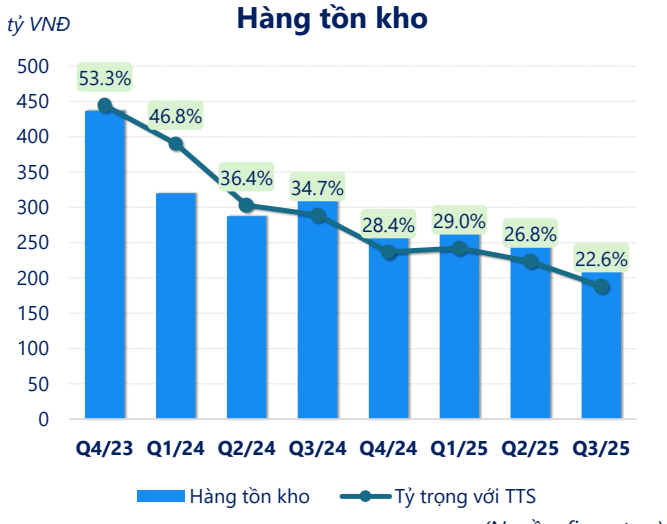

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

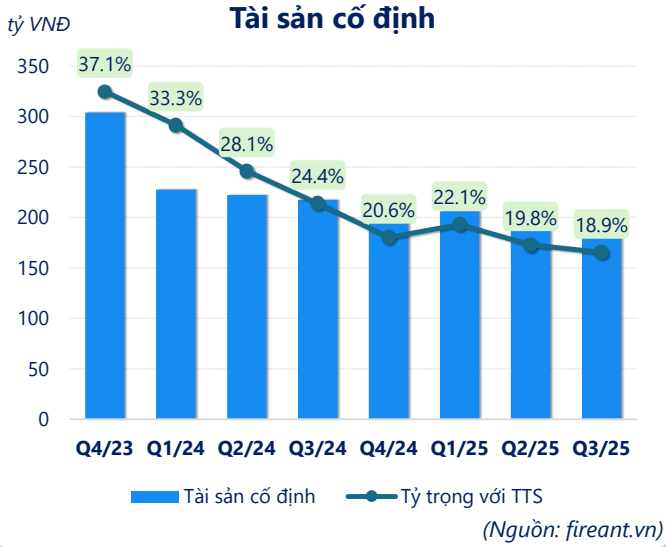

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

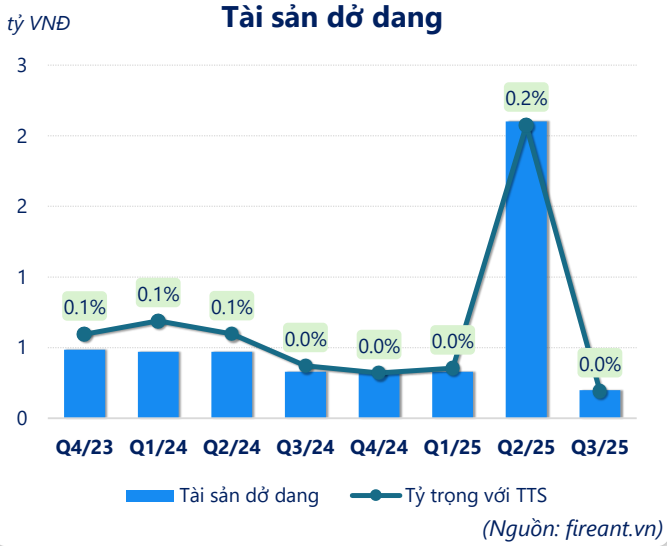

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

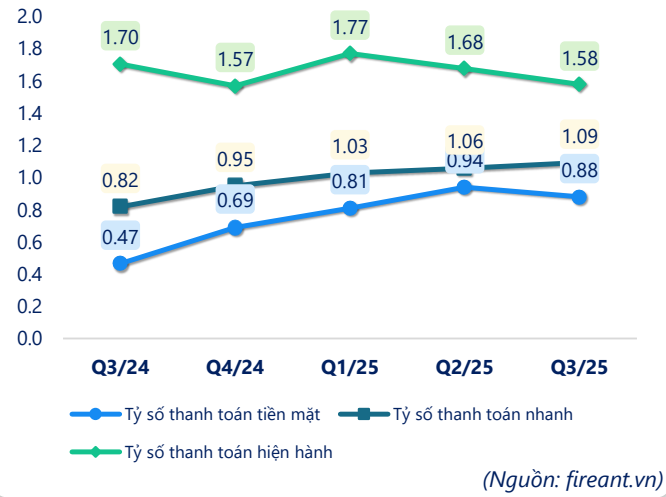

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

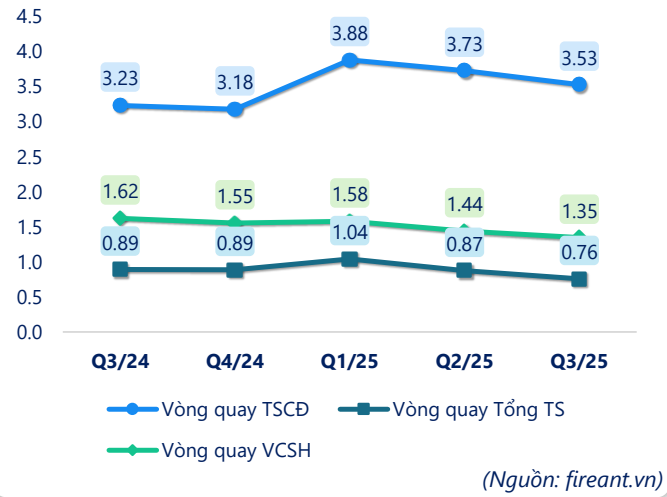

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**890**	**1,028**	**933**	**1,013**	**1,030**
Tài sản ngắn hạn	**594**	**738**	**646**	**734**	**758**
Tiền và tương đương tiền	162	324	296	412	422
Đầu tư tài chính ngắn hạn	43.1	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	65.5	118	71.5	42.3	99.2
Hàng tồn kho	309	292	271	272	233
Tài sản ngắn hạn khác	14.2	3.12	7.68	9.06	3.53
Tài sản dài hạn	**296**	**290**	**287**	**279**	**272**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	217	212	206	200	195
Bất động sản đầu tư	67.7	66.9	66.1	65.2	64.4
Tài sản dở dang	0.33	0.33	0.33	2.10	0.20
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.3	10.7	14.9	11.2	12.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**353**	**475**	**370**	**443**	**485**
Nợ ngắn hạn	**348**	**470**	**365**	**438**	**480**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	244	364	266	340	369
Phải trả người bán ngắn hạn	30.8	27.5	31.3	23.7	18.5
Nợ dài hạn	5.03	5.03	5.03	5.03	5.03
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**536**	**552**	**563**	**570**	**545**
Vốn chủ sở hữu	**536**	**552**	**563**	**570**	**545**
Vốn điều lệ	469	469	469	469	469
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)